

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐÓP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HSST

Ngày: 22 /11 /2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Với thành phần hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ch.

*Các hội thẩm:* Bà Điều Thị H và ông Đoàn Mạnh Qu

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thúy H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Đ.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang H– Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 48/HSST/2017 ngày 23 tháng 10 năm 2017; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/HSST-QĐ, ngày 07/11/2017.

**Đối với bị cáo:**

Họ và tên: Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; sinh năm:1984; tên gọi khác: Tèo B ; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh B Ph; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; con ông: Nguyễn Văn B ; sinh năm 1942 ( đã chết ) và bà: Đỗ Thị E ; sinh năm: 1945; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh B Ph; Bị cáo có 08 chị em, lớn nhất sinh năm 1967 nhỏ nhất sinh năm 1987, bị can là con thứ 7 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B Đ từ ngày 22/5/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 2000;

Địa chỉ: ấp 07, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh B Ph.( Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:* Bà Trần Thị Th – sinh năm: 1967 (là mẹ ruột của bị hại); Địa chỉ: ấp 07, xã Th H huyện B Đ, tỉnh B Ph (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Du; sinh năm: 1973; Địa chỉ: Ấp 07, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh B Ph.( Vắng mặt).

## NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 20/5/2017 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ đến nhà ông Nguyễn Văn L ở ấp 7, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh B Ph để tìm người chơi đá gà. Khi đến nhà ông L, thấy không có người chơi đá gà nên T đi vào hiên nhà nhìn qua cửa sổ thì thấy Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 23/6/2000 (con gái của ông L) đang nằm trên võng, đầu quay ra hướng cửa chính, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền của Nh. Lúc này T dắt xe mô tô ra để ngoài đường cách nhà khoảng 50m, dùng khẩu trang bịt mặt rồi đi vào chỗ Nh đang nằm dùng tay nắm sợi dây chuyền giật mạnh làm đứt sợi dây chuyền rồi cầm sợi dây chuyền bỏ chạy ra ngoài xe tẩu thoát, thấy vậy Nh tri hô “cướp cướp” và chạy đuổi theo đến sân nhà thì phát hiện chiếc điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng của T rơi ở sân nhà, lúc này ông Lũy nghe tiếng tri hô cũng chạy lên thì được Nh kể lại toàn bộ sự việc. Cơ quan điều tra Công an huyện B Đ đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ tang vật là chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu vàng, đồng thời kiểm tra số IMEI và số sim điện thoại di động, qua kiểm tra xác định chiếc điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng đã bị khóa mật khẩu màn hình, số IMEI là: 013849006092600, số sim là 0983229550 mang tên Nguyễn Văn T.

Quá trình điều tra xác định sợi dây chuyền của Nguyễn Thị Nh bị T chiếm đoạt là dây chuyền bằng vàng, loại 18K, loại có mắt xích, trọng lượng 2,48 chỉ, mua ở tiệm vàng Kim Tr ở xã Th H, huyện B Đ vào ngày 13/4/2017 với giá: 6.154.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số: 57/2017/HĐ-ĐGTSTTTHS ngày 20/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ kết luận: Tại thời điểm ngày 20/5/2017 giá của 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại 18K có trọng lượng 2,48 chỉ là 5.654.400 ( năm triệu sáu trăm năm tư nghìn bốn trăm đồng).

Cáo trạng số 54/ CT-VKS ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện B Đ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02(hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

-Người bị hại Nguyễn Thị Nh đã nhận lại số tiền bồi thường từ gia đình bị cáo và không có yêu cầu gì.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. HĐXX có đủ cơ sở kết luận như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 20/5/2017 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, BKS: 93F7-8329, số máy: HC08E-0443162, số khung: HHC08052Y443134 đến nhà ông Nguyễn Văn L chơi đá gà, lợi dụng không có người xung quanh bị cáo đã có hành vi công khai vào nhà chị Nguyễn Thị Nh chiếm đoạt giạt mạnh 01 sợi dây chuyền chị Nh đang đeo trên cổ rồi nhanh chóng tẩu thoát, chị Nh đuổi theo phát hiện chiếc điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng rơi ở sân nhà. Qua xác minh của Cơ quan điều tra xác định chiếc điện thoại này mang tên Nguyễn Văn T.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 136 BLHS như Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi cướp giạt tài sản do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, với thủ đoạn táo bạo, liều lĩnh, công khai giữa ban ngày, vắng người chỉ một mình chị Nh ở nhà T lợi dụng sự sơ hở và mất cảnh giác của bị hại, bị cáo đã nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát, bị cáo có sức khỏe, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền nhiều để tiêu xài một cách nhanh chóng nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi trót lọt.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân nơi địa bàn xảy ra vụ án.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu

Ngày 13/11/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh B Ph xử phạt 02 năm tù tại bản án số:112/2002HSST về tội “Cướp tài sản”.

Ngày 27/9/2005 bị Tòa án nhân dân huyện B Đ, xử phạt 34 tháng tù tại bản án số: 16/2005/HSST về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý gây thương tích” bị cáo kháng cáo, đến ngày 02/12/2005 Tòa án nhân dân tỉnh B Ph xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm tại bản án số:87/2005/HSPT.

Ngày 21/12/2009 bị Công an huyện B Đ xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác tại QĐ-XPHC số: 02 .

Ngày 12/3/2012 bị Ủy ban nhân dân tỉnh B Ph áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi đánh người gây thương tích tại Quyết định số: 458/QĐ-UBND .

Mặc dù, bị cáo đã chấp hành xong các bản án, các biện pháp xử lý hành chính và được xóa án tích và không tính tiền án, tiền sự đối với bị cáo nhưng đáng lý khi ra tù, bị cáo phải coi đó là bài học kinh nghiệm, tu dưỡng, rèn luyện bản thân thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội, ngược lại bị cáo lại tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội. Điều này thể hiện tính liều lĩnh xem thường pháp luật của bị cáo rất là cao.

Xét tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần xử mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng xét, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị D (chị ruột của bị cáo) đã bồi thường cho bị hại 6.154.000 đồng tại biên bản làm việc ngày 10/9/2017, số tiền này là tài sản của bà D. Tại phiên tòa bà D vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án bà D không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên cho bà, nếu sau này bà D có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

Đối với lời khai của bị hại Nguyễn Thị Nh cho rằng ngoài bị cáo thực hiện hành vi Cướp giật tài sản còn có đối tượng đồng phạm đi cùng đợi sẵn trên xe và chở bị cáo tẩu thoát. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra hiện chưa làm rõ được đối tượng đi cùng để xử lý, nên tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau là có cơ sở.

Đối với sợi dây chuyền bị cáo giật được của bị hại Nh bị cáo khai đem về nhà, do sợ bị phát hiện nên bị cáo đã dùng khẩu trang gói sợi dây chuyền sau đó ném vào khoảng đất có cỏ mọc ở gần nhà, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được. Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, BKS: 93F7-8329, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe này do Lê Minh T làm chủ sở hữu, năm 2010 anh T đã bán chiếc xe này cho người khác, bị cáo khai nhận chiếc xe này do Phạm Thị Ngọc M (bạn gái của bị cáo) mua của người khác và cho bị

cáo sử dụng chung, hiện Cơ quan điều tra chưa thu giữ chiếc xe này được, khi nào thu giữ được sẽ làm rõ xử lý sau. Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 5S, màu vàng đã bị khóa mật khẩu màn hình, số IMEI là: 013849006092600, số sim là 0983229550 mang tên Nguyễn Văn T là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là có cơ sở.

-Về án phí: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 136 điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự.

2/ Xử phạt: Nguyễn Văn T 02(hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam(22/5/2017).

Về vật chứng vụ án: trả lại bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s, màu vàng số Imel: 013849006092600, số sim 0983229550( theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2017 giữa công an huyện B Đ và Chi cục thi hành án huyện B Đ, tỉnh B Ph.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết qui định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

4/ Quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đốp
- Chi cục THADS huyện B Đốp;
- Công an huyện B Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lâm Thị Chúc**

